

Số: 170^a/BC-TrTH

Núa Ngam, ngày 15 tháng 9 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện quy chế công khai năm học 2022-2023

Kế hoạch triển khai quy chế công khai năm học 2023-2024

Thực hiện Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, trường Tiểu học xã Núa Ngam báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai năm học 2022-2023 và kế hoạch triển khai quy chế công khai năm học 2023-2024 như sau:

I. Kết quả thực hiện quy chế công khai năm học 2022-2023

Năm học 2022-2023 trường TH xã Núa Ngam thực hiện quy chế công khai đạt được các kết quả như sau:

1. Về việc thực hiện cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

a. Thực hiện cam kết chất lượng giáo dục:

Nhà trường thực hiện nghiêm túc điều kiện tuyển sinh, thực hiện chương trình giáo dục phổ thông theo quy định của Bộ GD&ĐT; phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường với gia đình học sinh theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh, học sinh có thái độ học tập nghiêm túc, tham gia các hoạt động đầy đủ có trách nhiệm; cơ sở vật chất đảm bảo phục vụ cho việc giảng dạy và giáo dục học sinh; có các hoạt động hỗ trợ học tập và sinh hoạt của học sinh như hoạt động Đội – sao, hoạt động ngoại khóa hoạt động của các câu lạc bộ, hoạt động trải nghiệm,...Đội ngũ giáo viên đảm bảo cả về số lượng và chất lượng, tỉ lệ GV trên lớp là 1,5.

b. Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế cuối năm học 2022 – 2023 của nhà trường:

Sức khỏe học sinh đảm bảo, đủ sức khỏe để tiếp tục học lên các lớp trên.

Mức chất lượng trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, kiểm định chất lượng mức 2. Xây dựng kế hoạch duy trì trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng:

a. Cơ sở vật chất: Nhà trường có đủ số lượng các phòng học và các phòng giáo dục nghệ thuật, phòng tin học, ngoại ngữ diện tích phòng học ở khu trung tâm là 45m²/phòng, khu điểm trường Na Sang là 32,5m²/phòng, khu điểm trường Huổi Hua+ Tin Lán là 31,9m²/phòng, bình quân một học sinh 1,6 m²; thiết bị dạy học đảm bảo, mỗi học sinh có 1 bộ học Toán, 1 bộ học TV; có bộ đồ dùng học môn kỹ thuật... Trường có đàn oóc gan và đàn piano, máy tính, đầu đĩa, máy photocopy, máy chiếu, máy quay, loa phóng, loa trợ giảng,...

b. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

+ Tổng số cán bộ giáo viên nhân viên: 32đ/c, trong đó:

Cán bộ quản lý: 02 đ/c; Giáo viên: 26 đ/c; Nhân viên: 04 đ/c. . Tỷ lệ giáo viên 1,5 GV/lớp.

Nữ: 25; Dân tộc: 08; Nữ dân tộc: 05.

+ Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ: 01; Đại học: 26; Cao đẳng: 3; Trung cấp: 01 (Bảo vệ); Sơ cấp 01 (Nhân viên phục vụ).

- Chi bộ Đảng: 01 chi bộ với 14 đảng viên.

3. Công khai thu chi tài chính:

Thực hiện công khai nguồn tài chính do ngân sách nhà nước cấp, ngân sách xã hội hóa. Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo đúng hướng dẫn.

II. Kế hoạch triển khai quy chế công khai năm học 2023-2024

1. Xây dựng kế hoạch, hoàn thiện các nội dung công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT, báo cáo Phòng GD&ĐT; tổ chức công khai tại trường.

2. Nội dung công khai:

2.1 Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

a) Cam kết chất lượng giáo dục: điều kiện về đối tượng tuyển sinh của cơ sở giáo dục, chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ, yêu cầu phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh, điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục, các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và phương pháp quản lý của cơ sở giáo dục; kết quả chất lượng học sinh; khả năng học tập tiếp tục của học sinh.

b) Chất lượng giáo dục thực tế năm học 2022-2023.

Khôi 1,2,3:

*Chất lượng môn Toán và Tiếng Việt năm học 2022 - 2023

TT	Môn học	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	Tiếng Việt	137	54,8	111	44,4	2	0,8
2	Toán	131	52,4	117	46,8	2	0,8

*Năng lực

Năng lực chung

TT	Năng lực	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	Tự học và tự chủ	144	57,6	104	41,6	2	0,8
2	Giao tiếp và hợp tác	142	56,8	106	42,4	2	0,8
3	Tự giải quyết vấn đề và sáng tạo	129	51,6	119	47,6	2	0,8

Năng lực đặc thù

TT	Năng lực	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	Ngôn ngữ	136		112	44,8	2	0,8

2	Tính Toán	128		120	48	2	0,8
3	Khoa học	138		110	44	2	0,8
4	Thâm mĩ	135		114	45,6	1	0,4
5	Thể chất	118		131	52,4	1	0,4
6	Tin học	43	53,7	36	45	1	1,3
7	Công nghệ	53	66,2	26	32,5	1	1,3

***Phẩm chất**

TT	Phẩm chất	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	Yêu nước	250	100	0	0	0	0
2	Nhân ái	249	99,6	1	0,4	0	0
3	Chăm chỉ	236	94,4	14	5,6	0	0
4	Trung thực	248	99,2	2	0,8	0	0
5	Trách nhiệm	231	92,4	18	7,2	1	0,4

Khối 4,5:

***Chất lượng môn Toán và Tiếng Việt năm học 2022 - 2023**

TT	Môn học	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	Tiếng Việt	33	20,1	130	79,3	1	0,6
2	Toán	27	16,5	137	83,5	0	0

***Năng lực**

TT	Năng lực	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	Tự phục vụ, tự quản	136	82,9	28	17,1	0	0
2	Hợp tác	94	57,3	70	42,7	0	0
3	Tự học và giải quyết vấn đề	78	47,6	85	51,8	1	0,6

***Phẩm chất**

TT	Phẩm chất	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	Chăm học, chăm làm	142	86,6	22	13,4	0	0
2	Tự tin, trách nhiệm	136	82,9	28	17,1	0	0
3	Trung thực, kỉ luật	155	94,5	9	5,5	0	0
4	Đoàn kết, yêu thương	162	98,8	2	1,2	0	0

Chất lượng hai môn Tin học, Tiếng Anh:

TT	Tổng số HS	Tin học (bắt buộc)
----	------------	--------------------

	được đánh giá	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
		SL	%	SL	%	SL	TL
1	244	85		159		0	0

(Số liệu trên không bao gồm học sinh khuyết tật)

TT	Tổng số HS được đánh giá	Tiếng Anh (bắt buộc)						Tiếng Anh tự chọn					
		Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành		Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
		SL	%	SL	%	SL	TL	SL	%	SL	%	SL	%
1	414	75	18,1	169	40,8	0	0	88	21,3	82	19,8	0	0

- Hoàn thành chương trình lớp học: 328/330 em đạt 99,4 %

- Hoàn thành chương trình tiểu học: 84/84 em, tỷ lệ 100%.

c. Mức chất lượng duy trì đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, kiểm định chất lượng mức 2.

2.2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng:

a) Cơ sở vật chất: số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân/lớp.

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên, trình độ đào tạo.

2.3. Công khai thu chi tài chính năm học 2022-2023:

3. Hình thức, thời điểm công khai:

Niêm yết công khai tại bảng tin, đưa lên hộp thư điện tử của nhà trường.

Thời điểm công khai là đầu năm học (tháng 9/2023) hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan.

Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

Trên đây là kết quả thực hiện quy chế công khai năm học 2022-2023 và kế hoạch triển khai quy chế công khai năm học 2023-2024 của trường Tiểu học xã Núa Ngam.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (báo cáo);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Bùi Thị Thu Hằng